BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 2858 /QĐ-TSVLVH-2011

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Điểm chuẩn trúng tuyển Đại học hệ vừa làm vừa học,
kỳ thi ngày 26-27 tháng 11 năm 2011

HIỆU TRƯỞNG, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2011

Căn cứ theo điều 8, chương II về tổ chức, quyền hạn và nhiệm vụ của trường trong công tác tuyển sinh trong Quy chế Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ vừa làm vừa học năm 2010 ban hành kèm theo Quyết định số 62 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ quyết định số 2530/QĐ-ĐHNL-TSVLVH2011 ngày 17/11/2011 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Đại học hệ vừa làm vừa học năm 2011 của Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh và Ông Trưởng ban thư ký.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay quyết định điểm chuẩn trúng tuyển Đại học hệ vừa làm vừa học, kỳ thi ngày tổ chức ngày 26 và 27 tháng 11 năm 2011 tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, ngành Kế Toán và Quản trị Kinh Doanh, cho thí sinh thuộc nhóm ưu tiên 3, khu vực 3 là 12 điểm (mười hai điểm). Điểm chênh lệch giữa các đối tượng ưu tiên liên kề nhau là 1 (một) điểm. Điểm chênh lệch giữa các khu vực liền kề nhau là 0,5 (nửa) điểm. Theo điểm chuẩn trên, xét trúng tuyển cho 90 thí sinh, trong đó 57 thí sinh ngành Quản trị kinh doanh, 33 thí sinh ngành Kế toán (có danh sách trúng tuyển đính kèm).

Điều 2: Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh, các đơn vị chức năng liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này theo đúng quy chế hiện hành./.

Nơi nhận:
- Ban giám hiệu
- Thành viên HĐTS
- Các khoa, bộ môn liên quan
- Lưu HC, ĐT

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
TP. HỒ CHÍ MINH

TS. TRỊNH TRƯỜNG GIANG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG NLS-TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

BS07/SĐH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2011

KỲ THI NGÀY 26 VÀ 27 THÁNG 11 NĂM 2011

NGÀNH:403 - QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	LỚP 10-11-12	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTH	ĐTC	NGÀNH	TT
1	NLSA 000291	Phạm Bình	An		30-03-93	99.99.1009	.	- -	1 -	4,50	10,00	7,25		22,00	NLS403	x
2	NLSA 000292	Vương Thành	An		28-04-89	99.99.1001	.	- -	3 -	3,00	9,00	8,75		21,00	NLS403	x
3	NLSA 000294	Lê Diễm	Châu	x	19-03-91	99.99.32	.	- -	2 -	3,00	4,50	8,25		16,00	NLS403	x
4	NLSA 000296	Võ Chí	Công		20-12-86	99.99.1021	.	- -	1 -	3,50	5,75	9,25		18,50	NLS403	x
5	NLSA 000298	Lê Long Hương	Diệu	x	05-12-92	99.99.35	.	- -	3 -	7,00	8,50	7,25		23,00	NLS403	x
6	NLSA 000299	Nguyễn Hoàng	Duy		23-07-85	99.99.1008	.	- -	3 -	5,50	10,00	7,75		23,50	NLS403	x
7	NLSA 000302	Mai Xuân	Hải		02-07-88	99.99.1022	.	- -	1 -	2,00	7,75	5,75		15,50	NLS403	x
8	NLSA 000310	Trần Thị Bích	Huyền	x	03-04-82	99.99.40	.	- -	3 -	5,75	8,00	5,75		19,50	NLS403	x
9	NLSA 000311	Nguyễn Hữu	Hưng		20-05-83	99.99.37	.	- -	2 -	4,50	8,25	7,00		20,00	NLS403	x
10	NLSA 000312	Phan Tấn	Hưng		15-02-87	99.99.36	.	- -	1 -	9,50	9,75	8,75		28,00	NLS403	x
11	NLSA 000313	Lê Thị Mai	Hương	x	09-06-75	99.99.38	.	- -	3 -	2,75	7,50	5,75		16,00	NLS403	x
12	NLSA 000315	Nguyễn Bá	Khôi		22-09-89	99.99.42	.	- -	2NT-	2,50	5,00	6,00		13,50	NLS403	x
13	NLSA 000316	Võ Bé	Khuyên	x	08-05-85	99.99.1011	.	- -	1 -	5,00	6,00	4,50		15,50	NLS403	x
14	NLSA 000317	Bùi Quang	Lân		07-09-80	99.99.43	.	- -	2 -	7,75	9,00	8,25		25,00	NLS403	x
15	NLSA 000318	Lê Phúc	Lâm		26-08-83	99.99.1000	.	- -	2NT-	8,25	10,00	9,25		27,50	NLS403	x
16	NLSA 000320	Trương Thị	Liệu	x	24-09-86	99.99.1006	.	- -	1 -	2,50	8,25	4,50		15,50	NLS403	x
17	NLSA 000321	Lê Văn	Linh		04-11-88	99.99.45	.	- -	2NT-	3,50	9,75	8,00		21,50	NLS403	x
18	NLSA 000323	Lê Thị Phụng	Loan	x	13-08-74	99.99.47	.	- -	3 -	3,25	8,00	4,50		16,00	NLS403	x
19	NLSA 000324	Trần Xuân	Lộc		27-09-88	99.99.1015	.	- -	2NT-	6,00	8,00	7,25		21,50	NLS403	x
20	NLSA 000334	Nguyễn Võ Kim	Ngân	x	17-09-82	99.99.50	.	- -	3 -	7,50	8,00	8,50		24,00	NLS403	x
21	NLSA 000338	Nguyễn Văn	Ngô		02-09-87	99.99.52	.	- -	1 -	4,00	6,75	7,25		18,00	NLS403	x
22	NLSA 000339	Trương Văn	Nguyên		01-01-92	99.99.1019	.	- -	1 -	4,25	7,50	5,50		17,50	NLS403	x
23	NLSA 000342	DĐặng Thị Hồng	Nhung	x	01-11-89	99.99.53	.	- -	3 -	6,00	8,50	6,25		21,00	NLS403	x
24	NLSA 000345	Trần Thành	Phương		05-08-88	99.99.54	.	- -	3 -	6,25	9,00	8,50		24,00	NLS403	x
25	NLSA 000346	Trần Thị Trúc	Phương	x	25-05-87	99.99.1012	.	- -	1 -	1,75	8,00	6,25		16,00	NLS403	x
26	NLSA 000348	Nguyễn Hồng	Sơn		08-11-76	99.99.56	.	- -	3 -06	7,00	9,00	7,25		23,50	NLS403	x
27	NLSA 000349	Phan Chí	Tâm		10-05-84	99.99.1004	.	- -	1 -	5,50	10,00	7,50		23,00	NLS403	x
28	NLSA 000350	Nguyễn Văn	Tây		24-11-85	99.99.57	.	- -	1 -	4,50	7,50	7,75		20,00	NLS403	x
29	NLSA 000351	Nguyễn Tấn	Thanh		28-01-80	99.99.58	.	- -	2 -	7,25	5,00	7,75		20,00	NLS403	x
30	NLSA 000352	Dương Minh	Thành		01-06-86	99.99.60	.	- -	1 -	5,00	9,00	8,75		23,00	NLS403	x
31	NLSA 000353	Đặng Ngọc	Thành		11-09-85	99.99.59	.	- -	1 -	5,25	10,00	5,50		21,00	NLS403	x
32	NLSA 000354	Nguyễn Đức	Thành		15-08-83	99.99.1010	.	- -	2NT-	8,50	10,00	8,00		26,50	NLS403	x
33	NLSA 000355	Trần Công	Thành		08-10-76	99.99.1013	.	- -	2 -	5,50	8,50	4,00		18,00	NLS403	x

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG NLS-TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

BS07/SĐH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2011

KỲ THI NGÀY 26 VÀ 27 THÁNG 11 NĂM 2011

NGÀNH:403 - QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	LỚP 10-11-12	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTH	ĐTC	NGÀNH	TT
34	NLSA 000356	Nguyễn Thị	Thảo	x	25-08-89	99.99.1020	.	- -	2NT-	7,00	8,00	5,00		20,00	NLS403	x
35	NLSA 000358	Nguyễn Ngọc	Thiêm		12-11-83	99.99.61	.	- -	3 -	7,50	8,50	9,25		25,50	NLS403	x
36	NLSA 000360	Trần Ngọc	Thuận		25-06-87	99.99.62	.	- -	1 -	2,50	7,50	5,50		15,50	NLS403	x
37	NLSA 000362	Trần Văn	Tiến		23-05-86	99.99.1003	.	- -	2NT-	7,50	8,00	8,50		24,00	NLS403	x
38	NLSA 000365	Nguyễn Văn	Trọng		21-04-90	99.99.1002	.	- -	2NT-	5,25	8,25	8,25		22,00	NLS403	x
39	NLSA 000375	Phan Văn	Tượng		02-08-82	99.99.65	.	- -	2NT-	6,25	5,75	6,50		18,50	NLS403	x
40	NLSA 000379	Vũ Quang	Vỹ		20-09-91	99.99.67	.	- -	3 -	8,50	8,00	8,25		25,00	NLS403	x
41	NLSA 000381	Văn Công	ý		03-11-88	99.99.1005	.	- -	2NT-	3,75	4,00	6,25		14,00	NLS403	x
42	NLSD1000572	Trần Thị Lan	Anh	x	10-06-88	99.99.1	.	- -	2NT-	3,50	3,50	6,50		13,50	NLS403	x
43	NLSD1000575	Nguyễn Thị Hạ	Diễm	x	28-05-81	99.99.2	.	- -	3 -	4,50	4,00	5,00		13,50	NLS403	x
44	NLSD1000576	Trần Đình Nguyễn Thiện	Duyên	x	12-08-82	99.99.3	.	- -	3 -	6,00	3,25	5,50		15,00	NLS403	x
45	NLSD1000580	Lê Quang	Đức		20-07-85	99.99.24	.	- -	2NT-	1,25	3,75	6,00		11,00	NLS403	x
46	NLSD1000583	Đinh Thị	Hằng	x	02-02-93	99.99.5	.	- -	1 -	5,50	2,50	5,00		13,00	NLS403	x
47	NLSD1000584	Lê Ngọc	Hân	x	09-05-89	99.99.4	.	- -	2NT-	3,50	2,25	5,00		11,00	NLS403	x
48	NLSD1000588	Đào Thị	Hồng	x	10-06-90	99.99.9	.	- -	1 -	3,50	2,25	5,00		11,00	NLS403	x
49	NLSD1000592	Phạm Hoàng Minh	Khải		22-06-83	99.99.11	.	- -	3 -	3,75	4,75	7,00		15,50	NLS403	x
50	NLSD1000598	Trần Hoàng Ngọc	Loan	x	01-12-89	99.99.14	.	- -	2NT-	5,75	9,50	6,00		21,50	NLS403	x
51	NLSD1000599	Pho Phi	Long		18-01-79	99.99.16	.	- -	3 -	6,00	4,25	5,50		16,00	NLS403	x
52	NLSD1000604	Hà Văn	Nguyên		07-02-76	99.99.18	.	- -	2 -	5,00	4,50	7,00		16,50	NLS403	x
53	NLSD1000613	Trương Thị Thanh	Nhiên	x	03-11-80	99.99.21	.	- -	3 -	5,75	4,00	6,50		16,50	NLS403	x
54	NLSD1000616	Đặng Bích	Phương	x	26-12-88	99.99.25	.	- -	2 -	2,75	3,50	7,50		14,00	NLS403	x
55	NLSD1000621	Đỗ Văn	Tiến		21-11-85	99.99.28	.	- -	2NT-	5,50	1,00	4,50		11,00	NLS403	x
56	NLSD1000623	Huỳnh Phan ánh	Trang	x	23-03-93	99.99.29	.	- -	1 -	3,00	3,75	6,00		13,00	NLS403	x
57	NLSD1000626	Phạm Minh	Trọng	x	19-08-80	99.99.30	.	- -	2 -	5,00	4,25	4,50		14,00	NLS403	x

Cộng Ngành : 403 57 Thí sinh. Trong đó, Khối A: 41 **Khối B:** 0 **Khối D1:** 16 **Khối D3:**

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

TS. Trịnh Trường Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG NLS-TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

BS07/SĐH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2011

KỲ THI NGÀY 26 VÀ 27 THÁNG 11 NĂM 2011

NGÀNH:405 - KẾ TOÁN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	LỚP 10-11-12	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTH	ĐTC	NGÀNH	TT
1	NLSA 000293	Nguyễn Thị Hồng	Ân	x	25-11-87	99.99.91	.	- -	1 -	1,25	6,00	6,25		13,50	NLS405	x
2	NLSA 000304	Đặng Hiếu	Hiền		20-11-89	99.99.93	.	- -	3 -	5,50	8,50	5,75		20,00	NLS405	x
3	NLSA 000305	Đinh Thị	Hoa	x	10-10-87	99.99.94	.	- -	1 -	2,50	8,00	6,00		16,50	NLS405	x
4	NLSA 000306	Nguyễn Văn	Hoàng		02-09-92	99.99.1025	.	- -	1 -	6,00	10,00	6,75		23,00	NLS405	x
5	NLSA 000307	Phạm Thị	Huệ	x	02-10-93	99.99.1027	.	- -	2NT-	5,75	9,75	7,00		22,50	NLS405	x
6	NLSA 000326	Hồ Quốc	Lâm		10-06-86	99.99.90	.	- -	2NT-	3,50	8,00	8,25		20,00	NLS405	x
7	NLSA 000327	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy	x	22-12-93	99.99.0	.	- -	2 -	5,75	4,50	7,25		17,50	NLS405	x
8	NLSA 000332	Trần Thị Kiều	Minh	x	14-05-90	99.99.96	.	- -	2NT-	6,00	8,50	8,00		22,50	NLS405	x
9	NLSA 000333	Trần Thị Thúy	My	x	19-10-92	99.99.1024	.	- -	2 -	8,25	8,50	6,25		23,00	NLS405	x
10	NLSA 000336	Bùi Hồng	Ngọc	x	16-03-93	99.99.1023	.	- -	1 -	6,75	8,00	7,25		22,00	NLS405	x
11	NLSA 000337	Huỳnh Thị	Ngọc	x	01-05-92	99.99.97	.	- -	3 -	1,50	8,50	6,75		17,00	NLS405	x
12	NLSA 000341	Cao Thị	Nhâm	x	07-03-81	99.99.98	.	- -	1 -	7,25	9,50	7,75		24,50	NLS405	x
13	NLSA 000343	Lê Thị	Phương	x	15-12-93	99.99.99	.	- -	2NT-	6,00	9,00	6,75		22,00	NLS405	x
14	NLSA 000344	Nguyễn Thị Yến	Phương	x	03-01-83	99.99.100	.	- -	1 -	7,50	9,50	8,00		25,00	NLS405	x
15	NLSA 000357	Nguyễn Thị Thu	Hảo	x	06-06-87	99.99.1028	.	- -	2NT-	7,50	10,00	8,50		26,00	NLS405	x
16	NLSA 000359	Võ Thị Hồng	Thơ	x	00-00-92	99.99.101	.	- -	1 -	5,25	1,50	7,75		14,50	NLS405	x
17	NLSA 000371	Đoàn Nhật	Trường		24-11-93	99.99.103	.	- -	3 -	5,75	3,50	6,00		15,50	NLS405	x
18	NLSA 000373	Nguyễn Vĩnh	Tuấn		15-02-92	99.99.1018	.	- -	1 -	5,00	8,50	9,00		22,50	NLS405	x
19	NLSA 000376	Nguyễn Đình Thục	Uyên	x	02-12-91	99.99.1029	.	- -	2NT-	7,50	8,50	9,00		25,00	NLS405	x
20	NLSA 000377	Đỗ Thị Thúy	Vân	x	16-04-89	99.99.104	.	- -	1 -	8,25	9,50	8,75		26,50	NLS405	x
21	NLSA 000378	Trương Thị Mỹ	Vân	x	04-11-86	99.99.1026	.	- -	3 -06	8,00	10,00	8,25		26,50	NLS405	x
22	NLSD1000571	Hoàng Thị Vân	Anh	x	28-06-85	99.99.69	.	- -	2NT-	5,50	8,00	6,00		19,50	NLS405	x
23	NLSD1000573	Dương Thị	Búng	x	31-12-85	99.99.70	.	- -	2NT-	3,25	4,25	4,50		12,00	NLS405	x
24	NLSD1000589	Nguyễn Huỳnh Như	Huyền	x	11-08-93	99.99.75	.	- -	3 -	5,50	2,50	5,00		13,00	NLS405	x
25	NLSD1000591	Phạm Thị	Hương	x	02-12-93	99.99.74	.	- -	1 -	4,50	3,00	4,50		12,00	NLS405	x
26	NLSD1000595	Trương Thị Châu	Lan	x	06-02-88	99.99.76	.	- -	3 -	5,50	4,75	6,00		16,50	NLS405	x
27	NLSD1000603	Phạm Thị Hoài	Nghiêm	x	15-12-82	99.99.79	.	- -	3 -	2,50	3,75	6,00		12,50	NLS405	x
28	NLSD1000617	Lê Duy	Phương		08-11-89	99.99.89	.	- -	2 -	2,75	3,25	5,50		11,50	NLS405	x
29	NLSD1000619	Nguyễn Thị Thanh	Tế		02-10-90	99.99.87	.	- -	1 -	5,75	5,00	5,50		16,50	NLS405	x
30	NLSD1000624	Lư Thị Huyền	Trân	x	12-02-83	99.99.82	.	- -	1 -	4,25	4,50	4,50		13,50	NLS405	x
31	NLSD1000625	Phan Thị Huyền	Trân	x	08-04-92	99.99.83	.	- -	2NT-	4,75	2,00	4,00		11,00	NLS405	x
32	NLSD1000627	Hoàng Thị	Vân	x	02-04-86	99.99.85	.	- -	2 -	5,75	1,50	4,00		11,50	NLS405	x
33	NLSD1000628	Trần Thị Ngọc	Vĩnh	x	15-08-86	99.99.86	.	- -	2 -	4,25	5,50	5,50		15,50	NLS405	x

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG NLS-TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
KỲ THI NGÀY 26 VÀ 27 THÁNG 11 NĂM 2011

BS07/SĐH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2011

NGÀNH:405 - KẾ TOÁN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	LỚP 10-11-12	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTH	ĐTC	NGÀNH	TT

Cộng Ngành : 405 33 Thí sinh. Trong đó, Khối A: 21 **Khối B:** 0 **Khối D1:** 12 **Khối D3:** 0

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

TS. Trịnh Trường Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM - NLS

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2011
KỲ THI NGÀY 26 VÀ 27 THÁNG 11 NĂM 2011

BS07/SĐH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTH	ĐTC	NGÀNH	TT
1	NLSD1000582	Huỳnh Phúc	Hạnh		28-02-85	99.99.6	.	2NT-	2,00	3,25	4,00		9,50	NLS403	
2	NLSD1000581	Lê Hoàng Long	Hải		14-05-88	99.99.7	.	3 -05	2,00	3,25	5,00		10,50	NLS403	
3	NLSD1000587	Dương Thị	Hồng	x	07-02-87	99.99.8	.	2NT-	3,00	0,00	4,00		7,00	NLS403	
4	NLSD1000590	Ngô Thị Thu	Hương	x	12-05-89	99.99.10	.	3 -	3,25	2,25	4,50		10,00	NLS403	
5	NLSD1000594	Nguyễn Đình	Kỳ		28-01-73	99.99.12	.	3 -	3,25	2,00	5,00		10,50	NLS403	
6	NLSD1000597	Quang Tiên	Lễ		01-03-83	99.99.13	.	3 -	3,25	0,25	4,50		8,00	NLS403	
7	NLSD1000600	Trần Phạm Thanh	Long		02-03-86	99.99.15	.	2 -	2,75	0,50	5,50		9,00	NLS403	
8	NLSD1000577	Tôn Khắc	Đệ		10-01-85	99.99.17	.	2NT-	2,25	0,50	4,50		7,50	NLS403	
9	NLSD1000605	Nguyễn Thành	Nhân		07-08-80	99.99.19	.	2NT-	3,75	0,00	3,50		7,50	NLS403	
10	NLSD1000611	Trần Yến	Nhi	x	15-11-91	99.99.20	.	2 -	2,25	0,00	6,50		9,00	NLS403	
11	NLSD1000614	Nguyễn Thị Ngọc	Như	x	19-07-82	99.99.22	.	2 -	1,50	2,00	4,00		7,50	NLS403	
12	NLSD1000579	Võ Hoàng	Được		03-10-90	99.99.23	.	2 -05	0,50	1,00	3,00		4,50	NLS403	
13	NLSD1000618	Phạm Vũ Thanh	Tâm	x	09-07-84	99.99.26	.	2 -06	1,75	3,00	3,50		8,50	NLS403	
14	NLSD1000615	Phạm Thị Minh	Phúc	x	20-05-85	99.99.31	.	3 -	2,50	0,00	4,50		7,00	NLS403	
15	NLSA 000319	Phan Thị	Liên	x	17-02-86	99.99.44	.	1 -	1,50	8,25	1,25		11,00	NLS403	
16	NLSA 000322	Nguyễn Viết	Linh		12-12-86	99.99.46	.	2 -	2,50	4,00	4,25		11,00	NLS403	
17	NLSA 000325	Phan Thành	Luân		19-10-91	99.99.48	.	3 -	1,00				1,00	NLS403	
18	NLSD1000606	Võ Thị Kim	Ngân	x	28-06-81	99.99.51	.	3 -	2,75	2,25	5,50		10,50	NLS403	
19	NLSA 000363	Phạm Đức	Tình		19-05-89	99.99.63	.	2NT-	0,50	3,00	6,50		10,00	NLS403	
20	NLSA 000372	Lê Minh	Tuấn		01-05-87	99.99.64	.	2NT-	1,50	0,25	4,50		6,50	NLS403	
21	NLSA 000374	Võ Thị Kim	Tuyến	x	06-06-77	99.99.66	.	3 -	5,50	1,50	4,25		11,50	NLS403	
22	NLSA 000380	Nguyễn Thị Hải	Yến	x	17-09-81	99.99.68	.	2 -	3,00	1,00			4,00	NLS403	
23	NLSD1000574	Trần Thị	Chinh	x	07-08-85	99.99.71	.	2NT-	3,50	3,00	4,00		10,50	NLS405	
24	NLSD1000586	Lê Nguyễn Hồng	Hoa	x	28-05-85	99.99.73	.	2 -	2,00	2,00	5,00		9,00	NLS405	
25	NLSD1000601	Trịnh Thị Nguyệt	Minh	x	14-10-90	99.99.77	.	1 -	2,25	1,25	6,00		9,50	NLS405	
26	NLSD1000602	Nguyễn Thị Huỳnh	Nga	x	20-04-89	99.99.78	.	1 -	4,50	0,75	4,50		10,00	NLS405	
27	NLSD1000578	Lý Minh	Đoàn		10-02-87	99.99.81	.	2 -	0,75	0,50	6,00		7,50	NLS405	
28	NLSD1000622	Đinh Thị Huyền	Trang	x	22-03-87	99.99.84	.	1 -	4,00	0,00	5,00		9,00	NLS405	
29	NLSD1000593	Mai Thị Kim	Kiều	x	18-11-74	99.99.88	.	2 -	2,50	1,25	7,00		11,00	NLS405	
30	NLSA 000303	Trần Thanh	Hải		01-10-89	99.99.92	.	2NT-	2,00	2,00	4,50		8,50	NLS405	
31	NLSA 000331	Nguyễn Hữu	Luận		27-07-83	99.99.95	.	2 -	0,00	3,00	1,25		4,50	NLS405	
32	NLSA 000340	Nguyễn Viết	Ngữ		02-01-88	99.99.1014	.	1 -	2,50	1,50	2,50		6,50	NLS403	
33	NLSA 000364	Nguyễn Cao	Trí		01-01-87	99.99.1016	.	1 -	0,00	1,50	0,75		2,50	NLS403	
34	NLSA 000308	Nguyễn Hữu	Huy		20-11-87	99.99.1017	.	1 -	1,25	4,50	4,50		10,50	NLS403	
35	NLSD1000572	Trần Thị Lan	Anh	x	10-06-88	99.99.1	.	2NT-	3,50	3,50	6,50		13,50	NLS403	x

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM - NLS

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2011
KỲ THI NGÀY 26 VÀ 27 THÁNG 11 NĂM 2011

BS07/SĐH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTH	ĐTC	NGÀNH	TT
36	NLSD1000575	Nguyễn Thị Hạ	Diễm	x	28-05-81	99.99.2	.	3 -	4,50	4,00	5,00		13,50	NLS403	x
37	NLSD1000576	Trần Đình Nguyễn Thiện	Duyên	x	12-08-82	99.99.3	.	3 -	6,00	3,25	5,50		15,00	NLS403	x
38	NLSD1000584	Lê Ngọc	Hân	x	09-05-89	99.99.4	.	2NT-	3,50	2,25	5,00		11,00	NLS403	x
39	NLSD1000583	Đinh Thị	Hằng	x	02-02-93	99.99.5	.	1 -	5,50	2,50	5,00		13,00	NLS403	x
40	NLSD1000588	Đào Thị	Hồng	x	10-06-90	99.99.9	.	1 -	3,50	2,25	5,00		11,00	NLS403	x
41	NLSD1000592	Phạm Hoàng Minh	Khải		22-06-83	99.99.11	.	3 -	3,75	4,75	7,00		15,50	NLS403	x
42	NLSD1000598	Trần Hoàng Ngọc	Loan	x	01-12-89	99.99.14	.	2NT-	5,75	9,50	6,00		21,50	NLS403	x
43	NLSD1000599	Pho Phi	Long		18-01-79	99.99.16	.	3 -	6,00	4,25	5,50		16,00	NLS403	x
44	NLSD1000604	Hà Văn	Nguyên		07-02-76	99.99.18	.	2 -	5,00	4,50	7,00		16,50	NLS403	x
45	NLSD1000613	Trương Thị Thanh	Nhiên	x	03-11-80	99.99.21	.	3 -	5,75	4,00	6,50		16,50	NLS403	x
46	NLSD1000580	Lê Quang	Đức		20-07-85	99.99.24	.	2NT-	1,25	3,75	6,00		11,00	NLS403	x
47	NLSD1000616	Đặng Bích	Phương	x	26-12-88	99.99.25	.	2 -	2,75	3,50	7,50		14,00	NLS403	x
48	NLSD1000621	Đỗ Văn	Tiến		21-11-85	99.99.28	.	2NT-	5,50	1,00	4,50		11,00	NLS403	x
49	NLSD1000623	Huỳnh Phan ánh	Trang	x	23-03-93	99.99.29	.	1 -	3,00	3,75	6,00		13,00	NLS403	x
50	NLSD1000626	Phạm Minh	Trọng	x	19-08-80	99.99.30	.	2 -	5,00	4,25	4,50		14,00	NLS403	x
51	NLSA 000294	Lê Diễm	Châu	x	19-03-91	99.99.32	.	2 -	3,00	4,50	8,25		16,00	NLS403	x
52	NLSA 000298	Lê Long Hương	Diệu	x	05-12-92	99.99.35	.	3 -	7,00	8,50	7,25		23,00	NLS403	x
53	NLSA 000312	Phan Tấn	Hưng		15-02-87	99.99.36	.	1 -	9,50	9,75	8,75		28,00	NLS403	x
54	NLSA 000311	Nguyễn Hữu	Hưng		20-05-83	99.99.37	.	2 -	4,50	8,25	7,00		20,00	NLS403	x
55	NLSA 000313	Lê Thị Mai	Hương	x	09-06-75	99.99.38	.	3 -	2,75	7,50	5,75		16,00	NLS403	x
56	NLSA 000310	Trần Thị Bích	Huyền	x	03-04-82	99.99.40	.	3 -	5,75	8,00	5,75		19,50	NLS403	x
57	NLSA 000315	Nguyễn Bá	Khôi		22-09-89	99.99.42	.	2NT-	2,50	5,00	6,00		13,50	NLS403	x
58	NLSA 000317	Bùi Quang	Lân		07-09-80	99.99.43	.	2 -	7,75	9,00	8,25		25,00	NLS403	x
59	NLSA 000321	Lê Văn	Linh		04-11-88	99.99.45	.	2NT-	3,50	9,75	8,00		21,50	NLS403	x
60	NLSA 000323	Lê Thị Phụng	Loan	x	13-08-74	99.99.47	.	3 -	3,25	8,00	4,50		16,00	NLS403	x
61	NLSA 000334	Nguyễn Võ Kim	Ngân	x	17-09-82	99.99.50	.	3 -	7,50	8,00	8,50		24,00	NLS403	x
62	NLSA 000338	Nguyễn Văn	Ngô		02-09-87	99.99.52	.	1 -	4,00	6,75	7,25		18,00	NLS403	x
63	NLSA 000342	DĐặng Thị Hồng	Nhung	x	01-11-89	99.99.53	.	3 -	6,00	8,50	6,25		21,00	NLS403	x
64	NLSA 000345	Trần Thành	Phương		05-08-88	99.99.54	.	3 -	6,25	9,00	8,50		24,00	NLS403	x
65	NLSA 000348	Nguyễn Hồng	Sơn		08-11-76	99.99.56	.	3 -06	7,00	9,00	7,25		23,50	NLS403	x
66	NLSA 000350	Nguyễn Văn	Tây		24-11-85	99.99.57	.	1 -	4,50	7,50	7,75		20,00	NLS403	x
67	NLSA 000351	Nguyễn Tấn	Thanh		28-01-80	99.99.58	.	2 -	7,25	5,00	7,75		20,00	NLS403	x
68	NLSA 000353	Đặng Ngọc	Thành		11-09-85	99.99.59	.	1 -	5,25	10,00	5,50		21,00	NLS403	x
69	NLSA 000352	Dương Minh	Thành		01-06-86	99.99.60	.	1 -	5,00	9,00	8,75		23,00	NLS403	x
70	NLSA 000358	Nguyễn Ngọc	Thiêm		12-11-83	99.99.61	.	3 -	7,50	8,50	9,25		25,50	NLS403	x

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM - NLS

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2011
KỲ THI NGÀY 26 VÀ 27 THÁNG 11 NĂM 2011

BS07/SĐH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTH	ĐTC	NGÀNH	TT
71	NLSA 000360	Trần Ngọc	Thuận		25-06-87	99.99.62	.	1 -	2,50	7,50	5,50		15,50	NLS403	x
72	NLSA 000375	Phan Văn	Tượng		02-08-82	99.99.65	.	2NT-	6,25	5,75	6,50		18,50	NLS403	x
73	NLSA 000379	Vũ Quang	Vỹ		20-09-91	99.99.67	.	3 -	8,50	8,00	8,25		25,00	NLS403	x
74	NLSA 000318	Lê Phúc	Lâm		26-08-83	99.99.1000	.	2NT-	8,25	10,00	9,25		27,50	NLS403	x
75	NLSA 000292	Vương Thành	An		28-04-89	99.99.1001	.	3 -	3,00	9,00	8,75		21,00	NLS403	x
76	NLSA 000365	Nguyễn Văn	Trọng		21-04-90	99.99.1002	.	2NT-	5,25	8,25	8,25		22,00	NLS403	x
77	NLSA 000362	Trần Văn	Tiến		23-05-86	99.99.1003	.	2NT-	7,50	8,00	8,50		24,00	NLS403	x
78	NLSA 000349	Phan Chí	Tâm		10-05-84	99.99.1004	.	1 -	5,50	10,00	7,50		23,00	NLS403	x
79	NLSA 000381	Văn Công	ý		03-11-88	99.99.1005	.	2NT-	3,75	4,00	6,25		14,00	NLS403	x
80	NLSA 000320	Trương Thị	Liệu	x	24-09-86	99.99.1006	.	1 -	2,50	8,25	4,50		15,50	NLS403	x
81	NLSA 000299	Nguyễn Hoàng	Duy		23-07-85	99.99.1008	.	3 -	5,50	10,00	7,75		23,50	NLS403	x
82	NLSA 000291	Phạm Bình	An		30-03-93	99.99.1009	.	1 -	4,50	10,00	7,25		22,00	NLS403	x
83	NLSA 000354	Nguyễn Đức	Thành		15-08-83	99.99.1010	.	2NT-	8,50	10,00	8,00		26,50	NLS403	x
84	NLSA 000316	Võ Bé	Khuyên	x	08-05-85	99.99.1011	.	1 -	5,00	6,00	4,50		15,50	NLS403	x
85	NLSA 000346	Trần Thị Trúc	Phương	x	25-05-87	99.99.1012	.	1 -	1,75	8,00	6,25		16,00	NLS403	x
86	NLSA 000355	Trần Công	Thành		08-10-76	99.99.1013	.	2 -	5,50	8,50	4,00		18,00	NLS403	x
87	NLSA 000324	Trần Xuân	Lộc		27-09-88	99.99.1015	.	2NT-	6,00	8,00	7,25		21,50	NLS403	x
88	NLSA 000339	Trương Văn	Nguyên		01-01-92	99.99.1019	.	1 -	4,25	7,50	5,50		17,50	NLS403	x
89	NLSA 000356	Nguyễn Thị	Thảo	x	25-08-89	99.99.1020	.	2NT-	7,00	8,00	5,00		20,00	NLS403	x
90	NLSA 000296	Võ Chí	Công		20-12-86	99.99.1021	.	1 -	3,50	5,75	9,25		18,50	NLS403	x
91	NLSA 000302	Mai Xuân	Hải		02-07-88	99.99.1022	.	1 -	2,00	7,75	5,75		15,50	NLS403	x
92	NLSA 000327	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy	x	22-12-93	99.99.0	.	2 -	5,75	4,50	7,25		17,50	NLS405	x
93	NLSD1000571	Hoàng Thị Vân	Anh	x	28-06-85	99.99.69	.	2NT-	5,50	8,00	6,00		19,50	NLS405	x
94	NLSD1000573	Dương Thị	Búng	x	31-12-85	99.99.70	.	2NT-	3,25	4,25	4,50		12,00	NLS405	x
95	NLSD1000591	Phạm Thị	Hương	x	02-12-93	99.99.74	.	1 -	4,50	3,00	4,50		12,00	NLS405	x
96	NLSD1000589	Nguyễn Huỳnh Như	Huyền	x	11-08-93	99.99.75	.	3 -	5,50	2,50	5,00		13,00	NLS405	x
97	NLSD1000595	Trương Thị Châu	Lan	x	06-02-88	99.99.76	.	3 -	5,50	4,75	6,00		16,50	NLS405	x
98	NLSD1000603	Phạm Thị Hoài	Nghiêm	x	15-12-82	99.99.79	.	3 -	2,50	3,75	6,00		12,50	NLS405	x
99	NLSD1000624	Lư Thị Huyền	Trân	x	12-02-83	99.99.82	.	1 -	4,25	4,50	4,50		13,50	NLS405	x
100	NLSD1000625	Phan Thị Huyền	Trân	x	08-04-92	99.99.83	.	2NT-	4,75	2,00	4,00		11,00	NLS405	x
101	NLSD1000627	Hoàng Thị	Vân	x	02-04-86	99.99.85	.	2 -	5,75	1,50	4,00		11,50	NLS405	x
102	NLSD1000628	Trần Thị Ngọc	Vĩnh	x	15-08-86	99.99.86	.	2 -	4,25	5,50	5,50		15,50	NLS405	x
103	NLSD1000619	Nguyễn Thị Thanh	Tế		02-10-90	99.99.87	.	1 -	5,75	5,00	5,50		16,50	NLS405	x
104	NLSD1000617	Lê Duy	Phương		08-11-89	99.99.89	.	2 -	2,75	3,25	5,50		11,50	NLS405	x
105	NLSA 000326	Hồ Quốc	Lâm		10-06-86	99.99.90	.	2NT-	3,50	8,00	8,25		20,00	NLS405	x

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM - NLS

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2011
KỲ THI NGÀY 26 VÀ 27 THÁNG 11 NĂM 2011

BS07/SĐH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTH	ĐTC	NGÀNH	TT
106	NLSA 000293	Nguyễn Thị Hồng	Ân	x	25-11-87	99.99.91	.	1 -	1,25	6,00	6,25		13,50	NLS405	x
107	NLSA 000304	Đặng Hiếu	Hiền		20-11-89	99.99.93	.	3 -	5,50	8,50	5,75		20,00	NLS405	x
108	NLSA 000305	Đinh Thị	Hoa	x	10-10-87	99.99.94	.	1 -	2,50	8,00	6,00		16,50	NLS405	x
109	NLSA 000332	Trần Thị Kiều	Minh	x	14-05-90	99.99.96	.	2NT-	6,00	8,50	8,00		22,50	NLS405	x
110	NLSA 000337	Huỳnh Thị	Ngọc	x	01-05-92	99.99.97	.	3 -	1,50	8,50	6,75		17,00	NLS405	x
111	NLSA 000341	Cao Thị	Nhâm	x	07-03-81	99.99.98	.	1 -	7,25	9,50	7,75		24,50	NLS405	x
112	NLSA 000343	Lê Thị	Phương	x	15-12-93	99.99.99	.	2NT-	6,00	9,00	6,75		22,00	NLS405	x
113	NLSA 000344	Nguyễn Thị Yến	Phương	x	03-01-83	99.99.100	.	1 -	7,50	9,50	8,00		25,00	NLS405	x
114	NLSA 000359	Võ Thị Hồng	Thơ	x	00-00-92	99.99.101	.	1 -	5,25	1,50	7,75		14,50	NLS405	x
115	NLSA 000371	Đoàn Nhật	Trường		24-11-93	99.99.103	.	3 -	5,75	3,50	6,00		15,50	NLS405	x
116	NLSA 000377	Đỗ Thị Thúy	Vân	x	16-04-89	99.99.104	.	1 -	8,25	9,50	8,75		26,50	NLS405	x
117	NLSA 000373	Nguyễn Vĩnh	Tuấn		15-02-92	99.99.1018	.	1 -	5,00	8,50	9,00		22,50	NLS405	x
118	NLSA 000336	Bùi Hồng	Ngọc	x	16-03-93	99.99.1023	.	1 -	6,75	8,00	7,25		22,00	NLS405	x
119	NLSA 000333	Trần Thị Thúy	My	x	19-10-92	99.99.1024	.	2 -	8,25	8,50	6,25		23,00	NLS405	x
120	NLSA 000306	Nguyễn Văn	Hoàng		02-09-92	99.99.1025	.	1 -	6,00	10,00	6,75		23,00	NLS405	x
121	NLSA 000378	Trương Thị Mỹ	Vân	x	04-11-86	99.99.1026	.	3 -06	8,00	10,00	8,25		26,50	NLS405	x
122	NLSA 000307	Phạm Thị	Huệ	x	02-10-93	99.99.1027	.	2NT-	5,75	9,75	7,00		22,50	NLS405	x
123	NLSA 000357	Nguyễn Thị Thu	Hảo	x	06-06-87	99.99.1028	.	2NT-	7,50	10,00	8,50		26,00	NLS405	x
124	NLSA 000376	Nguyễn Đình Thục	Uyên	x	02-12-91	99.99.1029	.	2NT-	7,50	8,50	9,00		25,00	NLS405	x

Cộng BTS 99 : 124 Thí sinh. Trong đó, Khối A: 74 **Khối B:** 0 **Khối D1:** 50

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

TS. Trịnh Trường Giang